

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

---

*Hà Nội, tháng 03 năm 2018*

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Vũ Thị Mai	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/11/2017
Bà Lê Thị Minh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/11/2017
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Bình	Thành viên	
Ông Bùi Đình Mạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Thành viên	

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc	
Ông Bùi Đình Mạnh	Phó Giám đốc	
Bà Vũ Thị Mai	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/11/2017
Ông Nguyễn Việt Bình	Phó Giám đốc	

#### **Kế toán trưởng**

Bà Lê Thị Bích Hồng	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.



**Phạm Trung Thành**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018*

Số: 107/2018/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20/03/2018, từ trang 6 đến trang 29 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018*

**Mai Việt Hùng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112- 1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>63.693.634.854</b>	<b>68.106.820.439</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.675.829.135	20.979.461.436
Tiền	111		12.675.829.135	16.979.461.436
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.972.356.127	43.462.782.247
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.417.709.708	42.454.734.919
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.136.365.031	159.123.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.418.281.388	848.924.328
Hàng tồn kho	140		10.241.220.789	3.459.877.504
Hàng tồn kho	141	8	10.241.220.789	3.459.877.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		804.228.803	204.699.252
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	617.804.806	201.696.281
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		186.423.997	3.002.971
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.393.607.595</b>	<b>74.422.735.320</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		86.500.423.754	71.711.661.500
Tài sản cố định hữu hình	221	9	86.500.423.754	71.711.661.500
- Nguyên giá	222		147.367.750.829	121.386.057.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.867.327.075)	(49.674.395.602)
Tài sản dài hạn khác	260		893.183.841	2.711.073.820
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	893.183.841	2.711.073.820
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>151.087.242.449</b>	<b>142.529.555.759</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.877.452.705</b>	<b>20.589.284.895</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.877.452.705</b>	<b>20.589.284.895</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	9.723.711.605	5.326.532.972
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	3.616.457.450	5.274.449.064
Phải trả người lao động	314		1.997.270.537	196.347.921
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	715.959.585	250.744.344
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	9.975.320.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	-	5.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.843.733.528	4.041.210.594
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>121.209.789.744</b>	<b>121.940.270.864</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>121.209.789.744</b>	<b>121.940.270.864</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.879.100.000	47.879.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.879.100.000	47.879.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		51.369.417.478	42.082.199.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.961.272.266	31.978.971.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.849.194.844	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.112.077.422	31.978.971.276
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>151.087.242.449</b>	<b>142.529.555.759</b>

Người lập biểu



Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng



Lê Thị Bích Hồng



Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Phạm Trung Thành



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	120.675.991.257	208.203.925.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	40.222.000	14.173.000
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>120.635.769.257</b>	<b>208.189.752.240</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>18</b>	<b>113.398.551.841</b>	<b>173.734.574.953</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7.237.217.416</b>	<b>34.455.177.287</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.973.528.941	17.057.852.668
Chi phí tài chính	22	20	670.984.289	158.248.292
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		670.984.289	33.920.486
Chi phí bán hàng	25	21	22.642.864	1.131.275.855
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	6.778.615.895	12.058.724.195
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.738.503.309</b>	<b>38.164.781.613</b>
Thu nhập khác	31	22	402.111.821	224.601.231
Chi phí khác	32	23	943.354.708	2.391.921.144
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(541.242.887)</b>	<b>(2.167.319.913)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.197.260.422</b>	<b>35.997.461.700</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	85.183.000	4.361.659.500
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.112.077.422</b>	<b>31.635.802.200</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	754,4	6.607,4
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	754,4	6.607,4

Người lập biểu



Lưu Thị Hồng Tường


Kế toán trưởng



Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

Phạm Trung Thành

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		145.656.834.106	218.739.289.170
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(85.627.132.441)	(110.038.565.560)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(32.456.290.699)	(76.527.105.381)
Tiền lãi vay đã trả	4		(670.984.289)	(158.248.292)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(946.842.476)	(8.420.161.918)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.087.729.514	6.269.945.158
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(21.392.827.057)	(30.768.666.443)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.650.486.658</b>	<b>(903.513.266)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.409.977.273)	(15.261.885.748)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	217.272.727
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		74.646.054	387.110.437
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.335.331.219)</b>	<b>(14.657.502.584)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	21.279.600.000
Tiền thu từ đi vay	33		5.186.707.529	9.435.351.993
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.096.479.549)	(9.435.351.993)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.709.015.720)	(11.809.458.744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.618.787.740)</b>	<b>9.470.141.256</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(8.303.632.301)</b>	<b>(6.090.874.594)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	4	<b>20.979.461.436</b>	<b>27.070.336.030</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	4	<b>12.675.829.135</b>	<b>20.979.461.436</b>

Người lập biểu



Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng



Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội ngày 20 tháng 03 năm 2018  
Giám đốc




Phạm Trung Thành

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07 tháng 06 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông thành Công ty cổ phần. Ngày 04 tháng 09 năm 2007 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi lần thứ 7 ngày 12 tháng 05 năm 2017, mã số doanh nghiệp số 0500332500.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 47.879.100.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn đồng./.*).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

*Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:*

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải không độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải độc hại: đô thị, công nghiệp;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: xử lý môi trường làng nghề;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang quân nhân, dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận chuyển vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên;
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (không bao gồm cho thuê lại lao động);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình vườn hoa, công viên cây xanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**
- 1.2 **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

*Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:*

Thu gom rác thải, thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang, xây dựng công trình công ích (Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông), vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.

2. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**
- 2.1 **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- 2.2 **NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

- 3.1 **ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

- 3.2 **TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi một số điều của Thông tư 45 và Thông tư 147 nêu trên.

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

**3.7 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2017 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 29.1.

**3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	884.935.389	1.482.348.273
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.790.893.746	15.497.113.163
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	<u>12.675.829.135</u>	<u>20.979.461.436</u>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	617.804.806	201.696.281
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	617.804.806	201.696.281
Dài hạn	893.183.841	2.711.073.820
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	893.183.841	2.711.073.820
	<u>1.510.988.647</u>	<u>2.912.770.101</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG**  
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,  
Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

- Ban duy tu các công trình HTKT đô thị
- UBND Quận Hà Đông
- Ban quản lý dự án khu đô thị Mỗ Lao
- Chi nhánh Hà Tây công ty TNHH tập đoàn Nam Cường
- Các đối tượng khác

**Phải thu của khách hàng dài hạn**

**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	33.417.709.708	-	42.454.734.919	-
	5.082.233.000	-	9.695.720.666	-
	22.392.471.800	-	28.788.941.400	-
	1.716.229.000	-	533.159.091	-
	1.039.966.250	-	787.489.250	-
	3.186.809.658	-	2.649.424.512	-
	-	-	-	-
	<b>33.417.709.708</b>	-	<b>42.454.734.919</b>	-
	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.418.281.388</b>	-	<b>848.924.328</b>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	277.738.000	-	728.986.400	-
- Phải thu thuế TNCN	-	-	119.937.928	-
- Bảo hiểm xã hội	184.153.411	-	-	-
- Bảo hiểm y tế	34.519.580	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.962.218	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	4.898.882.887	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	25.292	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>5.418.281.388</b>	-	<b>848.924.328</b>	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.669.679	-	1.102.606.884	-
Công cụ, dụng cụ	69.812.609	-	83.154.901	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.345.738.501	-	2.274.115.719	-
	<b>10.241.220.789</b>	-	<b>3.459.877.504</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2017	43.891.211.512	4.059.905.381	72.782.725.574	652.214.635	121.386.057.102
- Mua trong kỳ	-	-	24.982.527.272	90.435.000	25.072.962.272
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.067.465.455	-	-	-	1.067.465.455
- Thanh lý, nhượng bán	-	(45.134.000)	(50.000.000)	(63.600.000)	(158.734.000)
31/12/2017	44.958.676.967	4.014.771.381	97.715.252.846	679.049.635	147.367.750.829
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2017	(3.676.303.894)	(2.793.666.250)	(42.937.145.296)	(267.280.162)	(49.674.395.602)
- Khấu hao trong kỳ	(2.241.959.100)	(413.318.379)	(8.633.130.198)	(93.807.507)	(11.382.215.184)
- Giảm khác	-	45.134.000	80.549.711	63.600.000	189.283.711
31/12/2017	(5.918.262.994)	(3.161.850.629)	(51.489.725.783)	(297.487.669)	(60.867.327.075)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2017	40.214.907.618	1.266.239.131	29.845.580.278	384.934.473	71.711.661.500
31/12/2017	39.040.413.973	852.920.752	46.225.527.063	381.561.966	86.500.423.754

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 26.949.249.701 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG**  
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,  
Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.723.711.605</b>	<b>9.723.711.605</b>	<b>5.326.532.972</b>	<b>5.326.532.972</b>
- Ban QLDA ĐTXD quận Hà Đông	4.302.737.557	4.302.737.557	-	-
- Công ty Điện lực Hà Đông	2.888.780.761	2.888.780.761	835.440.986	835.440.986
- Công ty TNHH MTV Hợp Việt Nhật	413.019.807	413.019.807	413.019.807	413.019.807
- Công ty TNHH đầu tư và dịch vụ đô thị Phú Thành	158.312.511	158.312.511	467.161.253	467.161.253
- Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại T.T.C.I	-	-	668.172.787	668.172.787
- Nguyễn Tiến Thăng	-	-	211.092.000	211.092.000
- Các đối tượng khác	1.960.860.969	1.960.860.969	2.731.646.139	2.731.646.139
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>9.723.711.605</b>	<b>9.723.711.605</b>	<b>5.326.532.972</b>	<b>5.326.532.972</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG**  
Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông,  
Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải nộp	01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	4.305.030.192	11.781.335.574	12.469.908.316	3.616.457.450				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	846.644.641	85.183.000	946.842.476	(15.014.835)				
- Thuế thu nhập cá nhân	122.774.231	166.533.936	454.804.204	(165.496.037)				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	345.920.990	345.920.990	-				
- Các loại thuế khác	(3.002.971)	50.573.939	53.484.093	(5.913.125)				
	<b>5.271.446.093</b>	<b>12.429.547.439</b>	<b>14.270.960.079</b>	<b>3.430.033.453</b>				

(\*) Trong đó, thuế GTGT được đã khấu trừ trong năm là: 7.255.140.171 đồng

**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Nội dung	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	9.975.320.000	9.975.320.000	17.071.799.549	7.096.479.549	-	-
Vay ngắn hạn (*)						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	4.063.320.000	4.063.320.000	10.509.799.549	6.446.479.549	-	-
- Ngân hàng VPBank - Chi nhánh Ngô Quyền	5.912.000.000	5.912.000.000	6.562.000.000	650.000.000	-	-
Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)	-	-	-	-	-	-
	<b>9.975.320.000</b>	<b>9.975.320.000</b>	<b>17.071.799.549</b>	<b>7.096.479.549</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản vay ngân hàng đã được thanh toán hết trong tháng 1/2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>715.959.585</b>	<b>250.744.344</b>
- Kinh phí công đoàn	192.357.197	134.055.735
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	523.602.388	116.688.609
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
	<b>715.959.585</b>	<b>250.744.344</b>

**14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	<b>5.500.000.000</b>
- Dự phòng tiền lương phải trả	-	5.500.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
	-	<b>5.500.000.000</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>26.599.500.000</b>	<b>42.041.105.408</b>	<b>340.679.242</b>	<b>68.981.284.650</b>
- Tăng vốn trong năm trước	21.279.600.000		31.635.802.200	<b>52.915.402.200</b>
- Trích lập các quỹ	-	41.094.180	(42.658.422)	(1.564.242)
- Tăng khác	-	-	45.148.256	45.148.256
<b>31/12/2016</b>	<b>47.879.100.000</b>	<b>42.082.199.588</b>	<b>31.978.971.276</b>	<b>121.940.270.864</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>47.879.100.000</b>	<b>42.082.199.588</b>	<b>31.978.971.276</b>	<b>121.940.270.864</b>
- Lãi trong năm	-	-	5.112.077.422	5.112.077.422
- Trích lập các quỹ	-	9.287.217.890	(9.287.217.890)	-
- Chi trả cổ tức	-	-	(3.830.328.000)	(3.830.328.000)
- Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.012.230.542)	(2.012.230.542)
<b>31/12/2017</b>	<b>47.879.100.000</b>	<b>51.369.417.478</b>	<b>21.961.272.266</b>	<b>121.209.789.744</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ủy Ban nhân dân TP Hà Nội	12.209.920.000	12.209.920.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	5.027.390.000	5.027.390.000
Ông Nguyễn Thế Thành	7.769.990.000	7.769.990.000
Ông Trần Văn Hùng	3.139.640.000	3.139.640.000
America LLC	6.114.240.000	5.047.240.000
Cổ đông khác	13.617.920.000	14.684.920.000
	<b>47.879.100.000</b>	<b>47.879.100.000</b>

**15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>47.879.100.000</b>	<b>47.879.100.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	-	26.599.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	21.279.600.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	47.879.100.000	47.879.100.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>15.129.776.432</b>	<b>42.658.422</b>

**15.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.787.910	4.787.910
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.787.910	4.787.910
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.787.910	4.787.910
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.787.910	4.787.910
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.787.910	4.787.910
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>120.675.991.257</b>	<b>208.203.925.240</b>
- Thu phí Vệ sinh môi trường	7.922.517.164	22.944.778.144
- Doanh thu từ hoạt động công ích UBND quận Hà Đông	79.623.013.583	141.144.327.455
- Doanh thu từ hoạt động công ích Ban duy tu	20.907.222.273	27.545.306.235
- Doanh thu hưng táng, cải táng, xây dựng mộ, vườn hoa nghĩa trang	3.087.157.818	2.971.773.819
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển	503.309.092	123.923.637
- Doanh thu dịch vụ khác	8.632.771.327	13.473.815.950
	<b>120.675.991.257</b>	<b>208.203.925.240</b>

**17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	40.222.000	14.173.000

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	113.398.551.841	173.734.574.953
	<b>113.398.551.841</b>	<b>173.734.574.953</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.646.054	17.057.852.668
- Lợi nhuận được chia	5.898.882.887	-
	<b>5.973.528.941</b>	<b>17.057.852.668</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	670.984.289	158.248.292
	<b>670.984.289</b>	<b>158.248.292</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>6.778.615.895</b>	<b>12.058.724.195</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.139.752.403	7.540.458.988
- Chi phí vật liệu quản lý	210.901.971	36.275.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.634.149.428	1.736.561.178
- Thuế, phí và lệ phí	-	175.643.445
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.652.982	517.838.037
- Chi phí bằng tiền khác	1.680.159.111	2.051.947.547
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>22.642.864</b>	<b>1.131.275.855</b>
- Chi phí bán hàng khác	22.642.864	1.131.275.855

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	215.000.000	150.377.839
- Các khoản khác	187.111.821	74.223.392
	<b>402.111.821</b>	<b>224.601.231</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Các khoản bị phạt	140.573.959	1.006.633.340
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	802.780.749	-
- Các khoản chi phí khác	-	1.385.287.804
	<b>943.354.708</b>	<b>2.391.921.144</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.197.260.422</b>	<b>35.997.461.700</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>1.987.036.200</b>	<b>2.489.138.355</b>
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>7.250.704.653</b>	<b>16.678.302.676</b>
<b>Chuyển lỗ các năm trước</b>		-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>(66.408.031)</b>	<b>21.808.297.379</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	-	<b>4.361.659.500</b>
Thuế TNDN năm 2016 bị truy thu theo biên bản kiểm tra thuế năm 2017	85.183.000	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>85.183.000</b>	<b>4.361.659.500</b>

**25. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.112.077.422	31.635.802.200
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	6.775.949	4.787.910
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>754</b>	<b>6.607</b>

(\*) Lãi cơ bản năm 2016 được điều chỉnh hồi tố do trong năm Công ty đã điều chỉnh hồi tố lợi nhuận năm 2016 (chi tiết tại Thuyết minh số 29.2), Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã công bố năm 2016 trước điều chỉnh là 3.330 VND/CP.

**26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó lãi suy giảm được xác định bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	32.884.247.936	39.910.222.454
Chi phí nhân công	57.422.161.595	83.354.756.727
Khấu hao tài sản cố định	10.579.434.435	9.893.903.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.905.728.337	31.419.260.710
Chi phí bằng tiền khác	13.973.791.199	22.346.431.332
	<b>126.765.363.502</b>	<b>186.924.575.003</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.675.829.135	20.979.461.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.835.991.096	43.303.659.247
	<b>51.511.820.231</b>	<b>64.283.120.683</b>

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	9.975.320.000	
Phải trả người bán và phải trả khác	10.247.313.993	5.443.221.581
	<b>20.222.633.993</b>	<b>5.443.221.581</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>31.289.186.238</b>	<b>58.839.899.102</b>

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Rủi ro thị trường**

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2017</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	9.975.320.000	-	9.975.320.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.247.313.993	-	10.247.313.993
	<b>20.222.633.993</b>	<b>-</b>	<b>20.222.633.993</b>
<b>01/01/2017</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	5.443.221.581	-	5.443.221.581
Chi phí phải trả	-	-	-
	<b>5.443.221.581</b>	<b>-</b>	<b>5.443.221.581</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.675.829.135	-	12.675.829.135
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.835.991.096	-	38.835.991.096
	<b>51.511.820.231</b>	<b>-</b>	<b>51.511.820.231</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.979.461.436	-	20.979.461.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.303.659.247	-	43.303.659.247
	<b>64.283.120.683</b>	<b>-</b>	<b>64.283.120.683</b>

**29. THÔNG TIN KHÁC**

**29.1 BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương, thưởng	1.880.858.480	1.259.167.692
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	300.000.000	600.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Trong năm Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố ghi nhận giá trị TSCĐ, Hao mòn lũy kế là tầng 14 tòa nhà 121 Tô Hiệu theo biên bản phân chia lợi nhuận với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3, cụ thể sau:

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Năm 2016
			Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Doanh thu hoạt động tài chính	17.057.852.668	379.549.992	16.678.302.676
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.058.724.195	11.537.527.236	521.196.959
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.997.461.700	19.840.355.983	16.157.105.717
Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.635.802.200	15.478.696.483	16.157.105.717

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	31/12/2017
			Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>TÀI SẢN</b>			<b>16.157.105.717</b>
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ Hữu hình	121.386.057.102	104.707.754.426	16.678.302.676
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ Vô hình	(49.674.395.602)	(49.153.198.643)	(521.196.959)
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>16.157.105.717</b>
Lợi nhuận chưa phân phối	31.978.971.276	15.821.865.559	16.157.105.717
Vay ngắn hạn			-

Người lập biểu

Lưu Thị Hồng Tường

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018  
Giám đốc



Phạm Trung Thành